TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HSST
Ngày 18/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Dương Minh Khương và bà Nguyễn Thị Trang;

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy;

- Đại diện Viện kiểm sát gia phiên toà: Bà Hoàng Thúy Hắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/HSST ngày 31/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **70**/2024/HSST-QĐ, ngày 06/6/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn V**, sinh năm: 1996; giới tính: Nam**;** tên gọi khác: Không; HKTT: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh S; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn C và con bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ là Lò Thị P, sinh năm: 1994 và có 02 con (con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **08/3/2024**. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, thành phố H. (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn V (*Thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo*) là bà Đỗ Thị Thào – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. (Có mặt)

** Người bị hại:*

1. Anh Đỗ Danh K, sinh năm 1973; HKTT và nơi ở: Xóm 3, xã C, huyện T, thành phố H. (Có mặt)

** Những người liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; HKTT: Thôn N2, xã Đ, huyện L, tỉnh H. (Vắng mặt)

2. Chị Lã Thùy L, sinh năm 1987; HKTT: TDP 3, phường M1, quận N, thành phố H. (Vắng mặt)

3. Chị Lò Thị P, sinh năm 1994; HKTT: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh S. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2023, Lê Văn V đến làm thuê tại trang trại gia đình anh Đỗ Danh K, sinh năm 1973, HKTT: Xóm 3, xã C, huyện Thường Tín, thành phố H, V làm việc và ăn ngủ ngay tại trang trại của anh K.

Khoảng 04h00' ngày 20/8/2023, V đi từ trang trại về nhà riêng của anh K ở xóm 3, xã C, huyện T, thành phố H thì thấy không có ai ở nhà, cửa cổng không khóa nên V đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình. V vào phòng ngủ của anh K, mở tủ và lấy trộm 01 dây chuyền vàng 9999 có trọng lượng 01 lượng, 01 nhẫn vàng 9999 gắn mặt đá màu hồng có trọng lượng 05 chỉ và 18.000.000 đồng tiền mặt cho vào túi quần đang mặc. Sau đó, V ra sân sau nhà phát hiện thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 29Y5- 655.41 vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện nên V đã nổ máy điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; HKTT: Thôn N2, xã Đ, huyện B, tỉnh H, bán chiếc xe trên cho anh T được số tiền 7.500.000 đồng. Xong V hỏi mua của anh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 90B1- 02314 với giá 11.500.000 đồng. V điều khiển chiếc xe vừa mua được đi đến cửa hàng vàng bạc đá quý "*Linh Vương*" ở địa chỉ: số 300, đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh N bán 1,5 lượng vàng được số tiền 55.000.000 đồng. Sau đó, V đi về nhà và giao chiếc xe nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 90B1- 02314 cho vợ của V là chị Lò Thị P, sinh năm 1994; HKTT: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh S sử dụng. Số tiền còn lại V đã tiêu xài hết.

Ngày 25/8/2023, nghi ngờ V có hành vi trộm cắp tài sản của mình nên anh Đỗ Danh K đã có đơn trình báo đến Công an xã C, huyện T. Ngày 08/3/2024, Lê Văn V đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T bắt khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản. Tại Cơ quan điều tra, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ:

Thu của Lê Văn V 01 (một) xe máy nhãn hiệu AirBlade màu đen, xám đã qua sử dụng, BKS: 90B1- 023.14, số khung: RLHJF2705BY059036, số máy: JF27E-0777058; 03 video ghi lại hình ảnh một nam giới đi xe máy được trích xuất từ camera của gia đình anh Đỗ Danh T, sinh năm 1995 và gia đình bà Đỗ Thị H, sinh năm 1979 cùng ở xóm 3, xã C, được lưu trữ trong 01 USB.

Ngày 27/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có Yêu cầu định giá tài sản số 63 đối với số tài sản mà Lê Văn V đã chiếm đoạt của anh K nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 56 ngày 16/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của UBND huyện T, kết luận:

- 01 (một) dây chuyền đeo cổ bằng vàng, trọng lượng 01 lượng, loại vàng 9999 Năm Nụ có giá: 55.600.000 đồng (năm sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) nhẫn gắn mặt đá màu hồng có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 9999 Năm Nụ có giá: 27.800.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 29Y5 - 655.41 màu đen, bạc số khung: RLHJF1809AY338674, số máy: JF27E0385168, sản xuất năm 2010 đã qua sử dụng có giá: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản định giá: 91.400.000 đồng (chín mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) và 18.000.000 đồng tiền mặt.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn V đã trộm cắp của anh Đỗ Danh K là **109.400.000** đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Danh K yêu cầu Lê Văn V bồi thường thiệt hại tổng số tiền **120.000.000** đồng. Hiện Lê Văn V chưa bồi thường.

Quá trình điều tra vụ án bị cáo Lê Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người liên quan; vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSTT ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Văn V phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn V từ 36 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/3/2024;

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình có khó khăn (thuộc hộ nghèo và cận nghèo) nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa anh Đỗ Danh K yêu cầu Lê Văn V bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào giá trị thiệt hại thực tế tài sản bị cáo chiếm đoạt đã định giá. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và cần buộc bị cáo Lê Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đỗ Danh K tổng số tiền là **109.400.000** đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu AirBlade màu đen, xám đã qua sử dụng, BKS: 90B1- 023.14, số khung: RLHJF2705BY059036, số máy: JF27E-0777058, quá trình điều tra xác định là tài sản mà V mua được bằng số tiền đã trộm cắp của anh K, xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, có Giấy chứng nhận số 009070 mang tên Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 51, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố H do Công an tỉnh H cấp; anh Linh thừa nhận đã bán chiếc xe trên qua mạng cho người không quen biết từ lâu; anh T cũng thừa nhận đã bán chiếc xe máy trên cùng giấy tờ cho bị cáo V (như trên). Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cần tạm giữ, phát mại để đối trừ nghĩa vụ thi hành án đối với khoản án phí (nếu có) và khoản bồi thường về trách nhiệm dân sự cho anh Đỗ Danh K theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do bị cáo thuộc hộ nghèo và cận nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại và người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lê Văn V không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều khoản đã truy tố đối với bị cáo mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như bị cáo có điều kiện hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn (Hộ nghèo và cận nghèo); bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có ông ngoại Nguyễn Văn Khẩn là liệt sỹ và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị tòa cho bị cáo được hưởng mức thấp trong khung hình phạt cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Các vấn đề khác đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không tham gia tranh luận gì. Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (Nhất là đối với người thuộc diện trợ giúp pháp lý). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn V thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Do không có tiều ăn tiêu, khoảng 04 giờ 00 phút ngày 20/8/2023, tại nhà riêng của anh Đỗ Danh K ở xóm 3, xã C, huyện T, thành phố H, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Lê Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Đỗ Danh K tài sản là 01 dây chuyền có trọng lượng 01 lượng trị giá 55.600.000 đồng, 01 nhẫn gắn mặt đá màu hồng có trọng lượng 05 chỉ 27.800.000 đồng, 18.000.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 29Y5-655.41, số khung RLHJF1809AY338674, số máy: JF27E0385168, trị giá 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Lê Văn V đã trộm cắp của anh Đỗ Danh K là **109.400.000** đồng.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKSTT ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Văn V phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét bị cáo Lê Văn V là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mặc dù bị cáo là người có sức khỏe nhưng có lối sống buông thả, lười lao động nên đã có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác (có giá trị lớn) được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong dư luận và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; hậu quả xảy ra thì chưa khắc phục nên cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (tù có thời hạn) cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo một thời gian phù hợp với tích chất và hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình thuộc hộ nghèo và cận nghèo; bị cáo có ông ngoại Nguyễn Văn Khẩn là liệt sỹ và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo và cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra anh Đỗ Danh K yêu cầu Lê Văn V bồi thường thiệt hại tổng số tiền 120.000.000 đồng, Lê Văn V chưa bồi thường. Tại phiên tòa anh Đỗ Danh K đề nghị Tòa buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu liên quan đến tài sản chiếm đoạt, thiệt hại thực tế và kết quả định giá tài sản của Hội

đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, có căn cứ để chấp nhận và cần buộc bị cáo Lê Văn V phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Đỗ Danh K tổng số tiền là **109.400.000** đồng.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của Lê Văn V 01 xe máy nhãn hiệu AirBlade màu đen, xám đã qua sử dụng, BKS: 90B1- 023.14, số khung: RLHJF2705BY059036, số máy: JF27E-0777058, qua điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp theo Giấy chứng nhận là anh Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 51, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố H, anh Linh cho rằng đã bán chiếc xe trên mạng cho người không quen biết từ lâu và chiếc xe trên là tài sản mà V mua được bằng số tiền đã trộm cắp của anh K mà có; chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng và anh Nguyên Văn T là người liên quan cũng thừa nhận đã mua của người không quen biết và đã bán chiếc xe máy trên cho bị cáo V. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe trên là tài sản mà V mua được bằng số tiền đã trộm cắp của anh K mà có, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại nên cần tạm giữ để phát mại tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền để đối trừ về nghĩa vụ chịu án phí của bị cáo (nếu có) và đối trừ bồi thường về trách nhiệm dân sự trả cho người bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có: Đối với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981, HKTT: Thôn N2, xã Đ, huyện B, tỉnh H là người đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 29Y5 - 655.41 là tài sản V đã chiếm đoạt của anh K với giá 7.500.000 đồng. Quá trình điều tra Thành và V đều khai: Khi mua, bán xe máy, V không nói cho anh T biết chiếc xe trên do V trộm cắp mà có, sau khi bán xe cho anh T thì V đã mua tại cửa hàng anh T 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiện Honda Airblade BKS: 90B1- 023.14 với giá 11.500.000 đồng. Đối với chiếc xe anh T mua của V, anh T đã bán lại chiếc xe trên cho một người không quen biết, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T là có căn cứ.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade, BKS: 29Y5 - 655.41 màu đen mà V đã trộm cắp của anh K. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có quyết định truy tìm vật chứng, đến nay chưa thu hồi được.

Đối với 01 dây chuyền vàng có trọng lượng 01 lượng, 01 nhẫn vàng gắn mặt đá màu hồng có trọng lượng 05 chỉ mà V đã chiếm đoạt của anh K và bán cho cửa hàng vàng *"Linh Vương"*. Quá trình điều tra xác định, cửa hàng vàng "*Linh Vương"* sau khi mua được vàng thường chế tác lại để bán cho khách hàng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được số vàng trên. Đối với chị Lã Thùy L, sinh năm 1987, HKTT: TDP 3, phường M1, quận N, thành phố H là chủ cửa hàng vàng bạc *"Linh Vương"*, khi mua vàng của V, chị L không biết số vàng này do V trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị L là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 2.188.000 đồng án phí dân sự trong hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình (thuộc hộ nghèo và cận nghèo), gia đình lại sinh sống

trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Bản T, xã M, huyện T, tỉnh S) có điều kiện hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ về án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự trong hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Lê Văn V 32** (ba hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày **08/3/2024**.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Lê Văn V phải bồi thường **109.400.000** (*Một trăm linh chín triệu, bốn trăm ngàn*) đồng tiền thiệt hại về tài sản cho anh Đỗ Danh K.

Sau khi bản án có lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong hết khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án đối với khoản chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu AirBlade màu đen, xám đã qua sử dụng, BKS: 90B1- 023.14, số khung: RLHJF2705BY059036, số máy: JF27E-0777058 thu giữ của Lê Văn V để phát mại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để đối trừ nghĩa vụ bồi thường về trách nhiệm dân sự trả cho người bị hại Đỗ Danh K. *Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009070 do Công an tỉnh H cấp mang tên Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 51, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố H.*

(Đặc điểm và hiện trạng vật chứng thực hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2024 của Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự trong hình sự cho bị cáo Lê Văn V.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, Người bị hại và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (chị Lò Thị P) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T; VKS ND TP. H;
- Sở tư pháp thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;người bị hại và Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Trí